

TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 12/2024

NHÓM CƠM THƯỜNG (25 – 36 THÁNG)

I. MỤC TIÊU, HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT: (4h)

1.1. Trẻ thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.

* Sinh hoạt

- Hô hấp: Gà gáy
- Tay: Đưa ra phía trước, hạ xuống
- Lưng, bụng, lườn: Tay chống hông, nghiêng người sang 2 bên.
- Chân: Ngồi co duỗi từng chân
- BAT tiến về phía trước

1.2. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động

* Giờ học

- BAT xa 15 - 20cm.(1h)
- Đi bước qua 2 - 3 gậy kê cao 5 cm, khoảng cách 20-25 cm. (1h)
- Đi kết hợp với chạy: Đi 2 - 3m, chạy 3 - 4m, đi 2 - 3m. (1h)

* Sinh hoạt

- Đứng co một chân cách mặt đất 10 - 15cm trong khoảng 2 - 3s.
- BAT xa 15 - 20cm.
- Đi bước qua 2 - 3 gậy kê cao 5 cm, khoảng cách 20-25 cm.
- Đi kết hợp với chạy: Đi 2 - 3m, chạy 3 - 4m, đi 2 - 3m.

1.3. Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong vận động bò và một số vận động liên hoàn.

* Giờ học

- Bò theo đường ngoằn ngoèo (3 điểm, khoảng cách 2,5 - 3m, rộng khoảng 50cm). (1h)

1.4. Trẻ thực hiện vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động.

* Sinh hoạt

- Chơi lồng hộp (vuông, tròn)
- Xâu vòng (xâu vòng tay, đeo cổ xen kẽ theo màu: xanh- đỏ) .
- Chắp ghép hình

* Kỹ năng

- Chồng, xếp 6 – 8 khối.
- Nhào đất nặn

1.5. Trẻ thực hiện một số việc tự phục vụ có sự giúp đỡ của cô giáo.

* Sinh hoạt

- Lấy nước uống với sự giúp đỡ của cô giáo.
- Tập tự xúc cơm, uống nước.

1.6. Trẻ có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt

* Sinh hoạt

- Uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định (nhà vệ sinh).

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC: (6h)

2.1. Trẻ biết sờ nắn, nhìn, , ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm của đối tượng

* Sinh hoạt

- Sờ nắn, nhìn quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.

2.2. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của rau, quả quen thuộc.

* Giờ học

- Tên và một số đặc điểm nổi bật của củ cà rốt- củ cải trắng. (1h)
- Tên và một số đặc điểm nổi bật của quả: cà chua- đậu bắp. (1h)

* Sinh hoạt

- Tên và một số đặc điểm nổi bật của củ cà rốt- củ cải trắng
- Tên và một số đặc điểm nổi bật của quả: cà chua- đậu bắp.

2.3. Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.

* Giờ học

- Ôn nhận biết màu xanh- màu đỏ.(1h)
- Ôn nhận biết màu đỏ-vàng. (1h)

* Sinh hoạt

- Ôn nhận biết màu xanh- màu đỏ.
- Ôn nhận biết màu đỏ-vàng.

2.4. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật quen thuộc.

* Giờ học

- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng: Nón- dép. (1h)

Sinh hoạt

- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng: Nón- dép.

2.5. Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.

* Giờ học

- Kích thước to- nhỏ (1h)

* Sinh hoạt

- Kích thước to- nhỏ.

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ: (5h)

3.1. Trẻ nghe, hiểu lời nói, thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.

* Sinh hoạt

- Nghe các bài thơ đồng dao: Con gà cục tác lá chanh; Nu na nu nống.
- Nghe các câu hỏi: cái gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?

* Kỹ năng

- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay...

3.2. Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.

* Sinh hoạt

- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn

3.3. Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản và kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần.

* Giờ học

- Nghe truyện kể và trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên, hành động của các nhân vật: Quả thị.(1h)
- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý: Quả trứng (1h)

Sinh hoạt

- Nghe truyện kể và trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên, hành động của các nhân vật: Quả thị.
- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý: Quả trứng.

3.4. Trẻ đọc được ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.

* Giờ học

- Đọc bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng: Quả cà chín; Hoa nở; Con rùa. (3h)

Sinh hoạt

- Đọc bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng: Quả cà chín; Hoa nở; Con rùa.

3.5. Trẻ biết lật mở sách, xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh

* Sinh hoạt

- Lắng nghe khi người lớn đọc sách
- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh

3.6. Trẻ sử dụng câu đơn có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.

* Sinh hoạt

- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.

4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ (13H)

4.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, dạ.

* Giờ học

- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp:

+ Chào hỏi, cảm ơn. (1h)

+ Chào tạm biệt, cảm ơn. (1h)

* Sinh hoạt

- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”.

4.2. Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn.

* Sinh hoạt

- Thực hiện quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: để đồ chơi vào nơi quy định

4.3. Trẻ biết chơi thân thiện cạnh bạn.

* Giờ học

- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cầu bạn. (1h)

Sinh hoạt

- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cầu bạn.

4.4. Trẻ biết thể hiện cảm xúc qua nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.

* Giờ học

- Dạy hát: Đôi dép. (1h)
- Nghe hát:
 - + Mẹ yêu không nào. (1h)
 - + Bé quét nhà. (1h)
 - + Cả nhà thương nhau. (1h)
- Vận động đơn giản theo nhạc:
 - + Tập tầm vông. (1h).
 - + Trời nắng trời mưa. (1h)

* Sinh hoạt

- Nghe âm thanh của nhạc cụ: Phách tre, trống.
- Dạy hát: Đôi dép.
- Nghe hát:
 - + Mẹ yêu không nào.
 - + Bé quét nhà.
 - + Cả nhà thương nhau.
- Vận động đơn giản theo nhạc:
 - + Tập tầm vông.
 - + Trời nắng trời mưa.

4.5. Trẻ thích di màu, dán, nặn, xem tranh.

* Kỹ năng

- Di màu cánh bướm Mẫu).(1h)
- Dán hoa (Mẫu).(1h)
- Nặn con giun (Mẫu).(1h)
- Nặn củ cà rốt.(Mẫu).(1h)

* Sinh hoạt

- Di màu cánh bướm Mẫu)
- Dán hoa (Mẫu)
- Nặn con giun (Mẫu).
- Nặn củ cà rốt (Mẫu).
- Xem tranh

